

PHỤ LỤC 1 - DANH MỤC NGÀNH, TỔ HỢP, ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN THEO KẾT QUẢ QUÁ TRÌNH HỌC TẬP THPT (PHƯƠNG THỨC 1) NĂM 2025

Ghi chú: Ngưỡng điểm xét tuyển là ngưỡng điểm dự kiến để thí sinh tham khảo. Ngưỡng điểm chính thức sẽ được Nhà trường công bố sau khi có điểm thi THPT năm 2025 theo hướng dẫn thống nhất của Bộ GD&ĐT.

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp	Điều kiện các môn trong tổ hợp (ĐTB 6HK)	Môn điều kiện (ĐTB 6HK)	Ngưỡng điểm xét tuyển (dự kiến)	Ghi chú
CHƯƠNG TRÌNH TIÊU CHUẨN							
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	Toán, Văn, Anh*2 Văn, Lý, Anh*2	$\geq 6,00$	Anh $\geq 7,00$	30	
2	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Toán, Văn, Anh*2 Văn, Lý, Anh*2	$\geq 6,00$		28	
3	7810101	Du lịch (Chuyên ngành Quản lý du lịch)	Văn*2, Anh, Sử Toán, Văn*2, Anh	$\geq 6,00$		28	
4	7810101H	Du lịch (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch)	Văn*2, Anh, Sử Toán, Văn*2, Anh	$\geq 6,00$		28	
5	7310301	Xã hội học	Văn*2, Anh, Sử Toán, Văn*2, Anh			24	
6	7760101	Công tác xã hội	Văn*2, Anh, Sử Toán, Văn*2, Anh			22	
7	7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nguồn nhân lực)	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$	Anh $\geq 6,50$	28	
8	7340101C	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị chuỗi cung ứng)	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$	Anh $\geq 6,50$	28	
9	7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn)	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$	Anh $\geq 6,50$	28	
10	7340115	Marketing	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$	Anh $\geq 6,50$	28	
11	7340120	Kinh doanh quốc tế	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$	Anh $\geq 6,50$	28	
12	7340408	Quan hệ lao động (Chuyên ngành Quản lý quan hệ lao động, Chuyên ngành Hành vi tổ chức)	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Anh, Hóa	$\geq 6,00$		25	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp	Điều kiện các môn trong tổ hợp (ĐTB 6HK)	Môn điều kiện (ĐTB 6HK)	Ngưỡng điểm xét tuyển (dự kiến)	Ghi chú
13	7340201	Tài chính - Ngân hàng	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$	28	
14	7340201Q	Tài chính - Ngân hàng (Chuyên ngành Tài chính quốc tế)	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$	28	
15	7340301	Kế toán	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$		28	
16	7340302	Kiểm toán (Chuyên ngành Kiểm toán và Phân tích dữ liệu)	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$		28	
17	7380101	Luật	Văn*2, Anh, Sử Toán, Văn*2, Anh	$\geq 6,00$	Anh $\geq 6,50$	29	
18	7720201	Dược học	Toán, Hóa*2, Anh Toán, Hóa*2, Lý Toán, Hóa*2, Sinh	$\geq 6,50$	Hóa $\geq 8,00$ và học lực lớp 12 đạt TỐT/GIỎI	29	
19	7420201	Công nghệ sinh học	Toán, Anh, Sinh*2 Toán, Sinh*2, Hóa Toán, Sinh*2, Lý	$\geq 6,00$	Sinh $\geq 6,50$	24	
20	7520301	Kỹ thuật hóa học	Toán, Anh, Hóa*2 Toán, Sinh, Hóa*2 Toán, Hóa*2, Lý	$\geq 6,00$	Hóa $\geq 6,50$	24	
21	7480101	Khoa học máy tính	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$	29	
22	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$	29	
23	7480103	Kỹ thuật phần mềm	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$	29	
24	7520201	Kỹ thuật điện	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Lý, Hóa Toán*2, Anh, Văn	$\geq 6,50$		26	
25	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Lý, Hóa Toán*2, Anh, Văn	$\geq 6,50$		26	
26	7520207T	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (Chuyên ngành Kỹ thuật thiết kế vi mạch bán dẫn)	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Anh, Hóa Toán*2, Lý, Hóa Toán*2, Lý, Tin học Toán*2, Văn, Lý	$\geq 6,50$	Toán $\geq 8,00$	34	
27	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Lý, Hóa Toán*2, Anh, Văn	$\geq 6,50$		27	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp	Điều kiện các môn trong tổ hợp (ĐTB 6HK)	Môn điều kiện (ĐTB 6HK)	Ngưỡng điểm xét tuyển (dự kiến)	Ghi chú
28	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Lý, Hóa Toán*2, Anh, Văn	$\geq 6,50$		27	
29	7580201	Kỹ thuật xây dựng	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Văn, Anh			24	
30	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Văn, Anh			22	
31	7580302	Quản lý xây dựng	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Văn, Anh			23	
32	7580101	Kiến trúc	Toán, Anh, Vẽ HHMT*2 Toán, Văn, Vẽ HHMT*2		Vẽ HHMT $\geq 6,00$	26	
33	7580105	Quy hoạch vùng và đô thị	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Anh, Vẽ HHMT Toán*2, Văn, Vẽ HHMT			22	
34	7580108	Thiết kế nội thất	Văn, Anh, Vẽ HHMT*2 Văn, Anh, Vẽ TTM*2		Vẽ HHMT hoặc Vẽ TTM $\geq 6,00$	25	
35	7210403	Thiết kế đồ họa	Văn, Anh, Vẽ HHMT*2 Văn, Anh, Vẽ TTM*2		Vẽ HHMT hoặc Vẽ TTM $\geq 6,00$	26	
36	7210404	Thiết kế thời trang	Văn, Anh, Vẽ HHMT*2 Văn, Anh, Vẽ TTM*2		Vẽ HHMT hoặc Vẽ TTM $\geq 6,00$	24	
37	7810301	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện)	Toán*2, Văn, Anh			26	
38	7810301G	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Golf)	Toán*2, Văn, Anh			22	
39	7850201	Bảo hộ lao động	Toán*2, Văn, Lý Toán*2, Văn, Sinh Toán*2, Văn, Hóa			22	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp	Điều kiện các môn trong tổ hợp (ĐTB 6HK)	Môn điều kiện (ĐTB 6HK)	Ngưỡng điểm xét tuyển (dự kiến)	Ghi chú
40	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường (Chuyên ngành cấp thoát nước và môi trường nước)	Toán*2, Văn, Lý Toán*2, Văn, Sinh Toán*2, Văn, Hóa			22	
41	7440301	Khoa học môi trường	Toán*2, Văn, Lý Toán*2, Văn, Sinh Toán*2, Văn, Hóa			22	
42	7460112	Toán ứng dụng	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Văn, Anh		Toán $\geq$ 7,00	24	
43	7460201	Thống kê	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Văn, Anh		Toán $\geq$ 7,00	24	
CHƯƠNG TRÌNH TIỀN TIẾN							
1	F7210403	Thiết kế đồ họa - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Văn, Anh, Vẽ HHMT*2 Văn, Anh, Vẽ TTM*2		Vẽ HHMT hoặc Vẽ TTM $\geq$ 6,00	24	
2	F7220201	Ngôn ngữ Anh - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán, Văn, Anh*2 Văn, Lý, Anh*2	$\geq$ 6,00	Anh $\geq$ 7,00	27	
3	F7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán, Văn, Anh*2 Văn, Lý, Anh*2	$\geq$ 6,00		25	
4	F7310301	Xã hội học - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Văn*2, Anh, Sử Toán, Văn*2, Anh			22	
5	F7340101	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nguồn nhân lực) - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Văn, Anh	$\geq$ 6.00	Anh $\geq$ 6.50	26	
6	F7340115	Marketing - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Văn, Anh	$\geq$ 6.00	Anh $\geq$ 6.50	26	
7	F7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Văn, Anh	$\geq$ 6.00	Anh $\geq$ 6.50	26	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp	Điều kiện các môn trong tổ hợp (ĐTB 6HK)	Môn điều kiện (ĐTB 6HK)	Ngưỡng điểm xét tuyển (dự kiến)	Ghi chú
8	F7340120	Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Văn, Anh	≥ 6.00	Anh ≥ 6.50	26	
9	F7340201	Tài chính - Ngân hàng - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$	25	
10	F7340301	Kế toán - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$		25	
11	F7380101	Luật (Chuyên ngành Luật kinh tế) - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Văn*2, Anh, Sử Toán, Văn*2, Anh	$\geq 6,00$	Anh $\geq 6,50$	25	
12	F7380101T	Luật (Chuyên ngành Luật thương mại quốc tế) - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Văn*2, Anh, Sử Toán, Văn*2, Anh	$\geq 6,00$	Anh $\geq 6,50$	25	
13	F7420201	Công nghệ sinh học - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán, Anh, Sinh*2 Toán, Sinh*2, Hóa Toán, Sinh*2, Lý	$\geq 6,00$	Sinh $\geq 6,50$	23	
14	F7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$	27	
15	F7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Văn, Anh	$\geq 6,00$	Toán $\geq 6,50$	27	
16	F7520201	Kỹ thuật điện - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Lý, Hóa Toán*2, Anh, Văn		Toán $\geq 6,50$	24	
17	F7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Lý, Hóa Toán*2, Anh, Văn		Toán $\geq 6,50$	24	
18	F7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Lý, Hóa Toán*2, Anh, Văn		Toán $\geq 6,50$	25	
19	F7580201	Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Văn, Anh			23	
20	F7520301	Kỹ thuật hóa học - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán, Anh, Hóa*2 Toán, Sinh, Hóa*2 Toán, Hóa*2, Lý	$\geq 6,00$	Hóa $\geq 6,50$	23	
21	F7580101	Kiến trúc - <i>Chương trình tiên tiến</i>	Toán, Anh, Vẽ HHMT*2 Toán, Văn, Vẽ HHMT*2		Vẽ HHMT $\geq 6,00$	25	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp	Điều kiện các môn trong tổ hợp (ĐTB 6HK)	Môn điều kiện (ĐTB 6HK)	Ngưỡng điểm xét tuyển (dự kiến)	Ghi chú
CHƯƠNG TRÌNH HỌC TẠI PHÂN HIỆU KHÁNH HÒA							
1	N7210403	Thiết kế đồ họa - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Văn, Anh, Vẽ HHMT*2 Văn, Anh, Vẽ TTM*2		Vẽ HHMT hoặc Vẽ TTM $\geq$ 5,00	22	
2	N7220201	Ngôn ngữ Anh - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán, Văn, Anh*2 Văn, Lý, Anh*2		Anh $\geq$ 6,50	23	
3	N7340115	Marketing - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Văn, Anh			22	
4	N7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Văn, Anh			22	
5	N7340301	Kế toán - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Văn, Anh			22	
6	N7380101	Luật (Chuyên ngành Luật kinh tế) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Văn*2, Anh, Sử Toán, Văn*2, Anh	$\geq$ 6,00		24.5	
7	N7810101H	Du lịch (Chuyên ngành Hướng dẫn du lịch) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Văn*2, Anh, Sử Toán, Văn*2, Anh			22	
8	N7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Văn, Anh			22	
9	N7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Văn, Anh			22	
10	N7850201	Bảo hộ lao động - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Văn, Lý Toán*2, Văn, Sinh Toán*2, Văn, Hóa			22	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp	Điều kiện các môn trong tổ hợp (ĐTB 6HK)	Môn điều kiện (ĐTB 6HK)	Ngưỡng điểm xét tuyển (dự kiến)	Ghi chú
11	N7340408	Quan hệ lao động (Chuyên ngành Hành vi tổ chức) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Anh, Hóa			22	
12	N7580302	Quản lý xây dựng - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Văn, Anh			22	
13	N7810301	Quản lý thể dục thể thao (Chuyên ngành Kinh doanh thể thao và tổ chức sự kiện) - <i>Chương trình học tại Phân hiệu Khánh Hòa</i>	Toán*2, Văn, Anh			22	

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC BẰNG TIẾNG ANH

Điều kiện tiếng Anh đầu vào: Thí sinh phải nộp chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trình độ B1 tương đương IELTS 5.0 trở lên theo quy định của TDTU có giá trị từ ngày 01/10/2023 và còn giá trị đến ngày 01/10/2025. Thí sinh không nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định về TDTU sẽ không đủ điều kiện xét tuyển.

1	FA7220201	Ngôn ngữ Anh - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán, Văn, Anh*2 Văn, Lý, Anh*2 Toán, Văn, CCTA*2 Văn, Lý, CCTA*2			26	
2	FA7340115	Marketing - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, CCTA			24	
3	FA7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, CCTA			24	
4	FA7340120	Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, CCTA			24	
5	FA7420201	Công nghệ sinh học - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán, Sinh*2, Anh Toán, Sinh*2, CCTA			22	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp	Điều kiện các môn trong tổ hợp (ĐTB 6HK)	Môn điều kiện (ĐTB 6HK)	Ngưỡng điểm xét tuyển (dự kiến)	Ghi chú
6	FA7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Lý, Anh Toán*2, Lý, CCTA Toán*2, Anh, Văn Toán*2, Văn, CCTA		Toán $\geq$ 6,00	24	
7	FA7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Lý, Anh Toán*2, Lý, CCTA Toán*2, Anh, Văn Toán*2, Văn, CCTA		Toán $\geq$ 6,00	24	
8	FA7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Lý, Hóa Toán*2, Anh, Văn Toán*2, Lý, CCTA		Toán $\geq$ 6,50	23	
9	FA7580201	Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Lý, Anh Toán*2, Lý, CCTA Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, CCTA			22	
10	FA7340301	Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán quốc tế) - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, CCTA			22	
11	FA7340201	Tài chính ngân hàng - <i>Chương trình đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, CCTA			22	
CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ ĐẠI HỌC BẰNG TIẾNG ANH <i>Thí sinh có nguyện vọng học chương trình đại học bằng tiếng Anh nhưng không có chứng chỉ tiếng Anh theo quy định có thể đăng ký xét tuyển vào chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh. Trong 01 năm học, thí sinh phải nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định để chuyển vào chương trình chính thức. Sau 01 năm học, thí sinh không nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định sẽ phải dừng học.</i>							
1	D7340115	Marketing - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Văn, Anh			24	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp	Điều kiện các môn trong tổ hợp (ĐTB 6HK)	Môn điều kiện (ĐTB 6HK)	Ngưỡng điểm xét tuyển (dự kiến)	Ghi chú
2	D7340101N	Quản trị kinh doanh (Chuyên ngành: Quản trị nhà hàng - khách sạn) - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Văn, Anh			24	
3	D7340120	Kinh doanh quốc tế - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Văn, Anh			24	
4	D7420201	Công nghệ sinh học - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán, Sinh*2, Anh			22	
5	D7480101	Khoa học máy tính - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Lý, Anh Toán*2, Anh, Văn		Toán $\geq$ 6,00	24	
6	D7480103	Kỹ thuật phần mềm - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Lý, Anh Toán*2, Anh, Văn		Toán $\geq$ 6,00	24	
7	D7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Lý, Hóa Toán*2, Anh, Văn		Toán $\geq$ 6,50	23	
8	D7580201	Kỹ thuật xây dựng - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Văn, Anh			22	
9	D7340301	Kế toán (Chuyên ngành: Kế toán quốc tế) - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Văn, Anh			22	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp	Điều kiện các môn trong tổ hợp (ĐTB 6HK)	Môn điều kiện (ĐTB 6HK)	Ngưỡng điểm xét tuyển (dự kiến)	Ghi chú
10	D7340201	Tài chính ngân hàng - <i>Chương trình dự bị đại học bằng tiếng Anh</i>	Toán*2, Văn, Anh			22	
CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ Điều kiện tiếng Anh đầu vào: Thí sinh phải nộp chứng chỉ tiếng Anh trình độ B2 tương đương IELTS 5.5 trở lên theo quy định của TDTU có giá trị từ ngày 01/10/2023 và còn giá trị đến ngày 01/10/2025. Thí sinh không nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định về TDTU sẽ không đủ điều kiện xét tuyển.							
1	K7340101	Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Trường Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha (Cộng Hòa Séc)</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, CCTA Toán*2, Văn, Phòng vấn			24	
2	K7340101N	Quản trị nhà hàng - khách sạn (song bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình liên kết Đại học Taylor's (Malaysia)</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, CCTA Toán*2, Văn, Phòng vấn			24	
3	K7340201X	Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1) - <i>Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, CCTA Toán*2, Văn, Phòng vấn			24	
4	K7340301	Kế toán (song bằng 3+1) - <i>Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương Quốc Anh)</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, CCTA Toán*2, Văn, Phòng vấn			24	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp	Điều kiện các môn trong tổ hợp (ĐTB 6HK)	Môn điều kiện (ĐTB 6HK)	Ngưỡng điểm xét tuyển (dự kiến)	Ghi chú
5	K7520201	Kỹ thuật điện – điện tử (song bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Lý, Hóa Toán*2, Anh, Văn Toán*2, Lý, CCTA Toán*2, Lý, Phòng văn		Toán $\geq$ 6,00	24	
6	K7580201	Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	Toán*2, Lý, Anh Toán*2, Lý, CCTA Toán*2, Anh, Phòng văn Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, CCTA			24	
7	K7480101L	Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	Toán*2, Lý, Anh Toán*2, Lý, CCTA Toán*2, Anh, Văn Toán*2, Văn, CCTA Toán*2, Anh, Phòng văn		Toán $\geq$ 6,00	24	
8	K7340120L	Kinh doanh quốc tế (song bằng 3 +1) - <i>Chương trình liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, CCTA Toán*2, Văn, Phòng văn			24	
9	K7480101T	Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Đại học Kỹ thuật Ostrava (CH Séc)</i>	Toán*2, Lý, Anh Toán*2, Lý, CCTA Toán*2, Anh, Văn Toán*2, Văn, CCTA Toán*2, Anh, Phòng văn		Toán $\geq$ 6,00	24	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp	Điều kiện các môn trong tổ hợp (ĐTB 6HK)	Môn điều kiện (ĐTB 6HK)	Ngưỡng điểm xét tuyển (dự kiến)	Ghi chú
10	K7340101E	Quản trị kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình liên kết Trường Kinh doanh Emlyon (Pháp)</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, CCTA Toán*2, Văn, Phỏng vấn			24	
11	K7340101M	Kinh doanh (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Kế toán, Quản trị nguồn nhân lực & Quan hệ lao động) (đơn bằng 2+1,5) - <i>Chương trình liên kết Đại học Massey (New Zealand)</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, CCTA Toán*2, Văn, Phỏng vấn			24	
12	K7340101L	Quản trị kinh doanh (đơn bằng 3+1) – <i>Chương trình liên kết Đại học Lunghwa (Đài Loan)</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, CCTA Toán*2, Văn, Phỏng vấn			24	
13	K7220201	Ngôn ngữ Anh (đơn bằng 3+1) - <i>Chương trình liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương Quốc Anh)</i>	Toán, Văn, Anh*2 Toán, Văn, CCTA*2 Văn, Anh*2, Phỏng vấn Văn, CCTA*2 Phỏng vấn			24	
CHƯƠNG TRÌNH DỰ BỊ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ <i>Thí sinh có nguyện vọng học chương trình liên kết đào tạo quốc tế nhưng không có chứng chỉ tiếng Anh theo quy định có thể đăng ký xét tuyển vào chương trình dự bị liên kết đào tạo quốc tế. Trong 01 năm học, thí sinh phải nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định để chuyển vào chương trình chính thức. Sau 01 năm học, thí sinh không nộp chứng chỉ tiếng Anh theo quy định sẽ phải dừng học.</i>							
1	DK7340101	Quản trị kinh doanh (song bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị Trường Đại học Kinh tế và Kinh doanh Praha (Cộng hòa Séc)</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, Phỏng vấn			24	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp	Điều kiện các môn trong tổ hợp (ĐTB 6HK)	Môn điều kiện (ĐTB 6HK)	Ngưỡng điểm xét tuyển (dự kiến)	Ghi chú
2	DK7340101N	Quản trị nhà hàng - khách sạn (song bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Taylor's (Malaysia)</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, Phỏng vấn			24	
3	DK7340201X	Tài chính và kiểm soát (song bằng 3+1) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, Phỏng vấn			24	
4	DK7340301	Kế toán (song bằng 3+1) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học West of England, Bristol (Vương Quốc Anh)</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, Phỏng vấn			24	
5	DK7520201	Kỹ thuật điện – điện tử (song bằng 2,5+1,5) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học khoa học ứng dụng Saxion (Hà Lan)</i>	Toán*2, Anh, Lý Toán*2, Lý, Hóa Toán*2, Anh, Văn Toán*2, Lý, Phỏng vấn		Toán $\geq$ 6,00	24	
6	DK7580201	Kỹ thuật xây dựng (song bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	Toán*2, Lý, Anh Toán*2, Anh, Phỏng vấn Toán*2, Văn, Anh			24	
7	DK7480101L	Công nghệ thông tin (song bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	Toán*2, Lý, Anh Toán*2, Anh, Văn Toán*2, Anh, Phỏng vấn		Toán $\geq$ 6,00	24	

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp	Điều kiện các môn trong tổ hợp (ĐTB 6HK)	Môn điều kiện (ĐTB 6HK)	Ngưỡng điểm xét tuyển (dự kiến)	Ghi chú
8	DK7340120L	Kinh doanh quốc tế (song bằng 3 +1) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học La Trobe (Úc)</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, Phỏng vấn			24	
9	DK7480101T	Khoa học máy tính (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Kỹ thuật Ostrava (CH Séc)</i>	Toán*2, Lý, Anh Toán*2, Anh, Văn Toán*2, Anh, Phỏng vấn		Toán $\geq$ 6,00	24	
10	DK7340101E	Quản trị kinh doanh toàn cầu (đơn bằng 2+2) - <i>Chương trình dự bị liên kết Trường Kinh doanh Emlyon (Pháp)</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, Phỏng vấn			24	
11	DK7340101M	Kinh doanh (Tài chính, Kinh doanh quốc tế, Marketing, Kế toán, Quản trị nguồn nhân lực & Quan hệ lao động) (đơn bằng 2+1,5) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Massey (New Zealand)</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, Phỏng vấn			24	
12	DK7340101L	Quản trị kinh doanh (đơn bằng 3+1) - <i>Chương trình dự bị liên kết Đại học Loughwa (Đài Loan)</i>	Toán*2, Văn, Anh Toán*2, Văn, Phỏng vấn			24	